

Tử Vi với Ba Vòng Nhân Sinh

Phạm Kế Viêm

I) Vòng Thái Tuế

Thái Tuế là tên gọi của một Sao bao giờ cũng đóng tại Cung có cùng Tên với Tuổi. Như tuổi Tý thì Thái Tuế đóng tại Cung Tý, tuổi Thìn thì Thái Tuế đóng tại Cung Thìn... suy ra các tuổi còn lại trong 12 tuổi cũng vậy !. Nghĩa đen của Thái Tuế : Tuế là tuổi, Thái là tối cao ở vị trí cực đại, trái với Thiếu là còn non trẻ. Sao Thái Tuế thuộc hành Hỏa đứng đầu Vòng Thái Tuế gồm 12 Sao, chia thành 4 Tam Hợp : **Tam Hợp I** (Thái Tuế, Quan Phù, Bạch Hổ), **Tam Hợp II** (Thiếu Dương, Tử Phù, Phúc Đức), **Tam Hợp III** (Tuế Phá, Điều Khách, Tang Môn), **Tam Hợp IV** (Trục Phù, Thiếu Âm, Long Đức).

1) Tam Hợp I (Thái Tuế, Quan Phù, Bạch Hổ)

Theo Định Nghĩa và Tính Chất :

a) **Thái Tuế** hành Hỏa chủ về :

- Biết xét đoán, ưa lý luận, có tài Hùng Biện, cao ngạo, tự tôn, khinh bạc, lạnh lùng, không thích giao thiệp, ít tình cảm. Gặp Sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp thì nói năng đanh thép, hùng hồn, chủ về Phú Quý, có Uy Quyền thích hợp với vai trò Lãnh Đạo, nếu có thêm Tử Phù, Vũ Tướng+Trung Tinh đặc cách lại càng chắc chắn .
- Gặp *Xương Khúc, Khôi Việt, Khoa Quyền Lộc* kết thành Bộ Văn Tinh : lợi cho việc học hành, thi cử « dễ đỗ đạt », công việc làm ăn, thăng tiến trong Công Danh !.
- Gặp *Kình Đà, Hình Kị* : dễ bị ngăn trở mọi công việc, gây rắc rối, tổn hại đến Công Danh, quyền thế, tài lộc. Chủ về thị phi, kiện cáo, tranh chấp, giam cầm, bệnh tật, tang thương.
- Gặp nhiều *Hung Sát Tinh* hay *Tuần* và *Triệt* : chiết giảm Phúc, Thọ, tổn hại đến Công Danh, Quyền Thế, Tài Lộc. Gây ra nhiều chuyện chằng lằng. Chủ về Thị Phi, kiện cáo, tù tội, bệnh tật, tai nạn, tang thương.

b) **Quan Phù** hành hỏa, chủ về xét đoán, lý luận, hay giúp đỡ, gặp Sao tốt hành động chính danh thận trọng, suy nghĩ kỹ càng trước khi hành động !. Gặp Sao xấu « Đà, Kị » tổn hại đến Công Danh, chủ tật bệnh, tai họa, kiện cáo.

c) **Bạch Hổ** hành Kim, đắc địa ở Dần Thân - nhất là ở Thân (*Bạch Hổ khiêu Tây Phương*) gắng công làm việc chính đáng bất kể giá nào để đi đến thành công !. Hiễn đạt về Võ Nghiệp - Có khiếu về ăn nói, chuyên về Pháp Lý « Quan Tòa, Luật Sư » dễ nổi danh !. Gặp Sao xấu bạo ngược, chung thân cùng khổn, cô đơn, khắc hại người thân, bệnh tật khó chữa, dễ gặp tai nạn, thường vướng vào lao lý khi đi vào Năm Xung Tháng Hạn (Năm Tuổi+Tam Tai+La Hầu, Kế Đô, Thái Bạch !, nhất là theo Người Xưa : Nam La Hầu, Nữ Kế Đô !).

Theo Cụ Thiên Lương :

Thái Tuế là ngôi vị có tính cách thịnh vượng cao cả của người thọ lãnh nhiệm vụ, chủ quyền chỉ huy công việc có ảnh hưởng bao trùm sâu rộng trong Quần Chúng. Mệnh nào đồng trùng Thái Tuế hoặc trong Tam Hợp Tuổi của mình là người đó đã được sắp xếp mọi sự thỏa mãn như mình ở đất nhà mình, dầu tốt xấu gì cũng thuộc về mình, mình có toàn quyền sử dụng theo ý muốn không phải e dè ai như là người ở nhờ hay thuê mượn, tức là thỏa mãn, hài lòng tùy theo vị trí mức độ để mình thụ hưởng, dĩ nhiên nhà mình, mình ra công bù đắp, chứ không có ý phá hoại. Đó là tư cách của Cá Nhân ở vị trí Thái Tuế.

Người tuổi Dần, Ngọ, Tuất Mệnh ở Tam Hợp (Dần Ngọ Tuất); người tuổi Thân, Tý, Thìn Mệnh ở Tam Hợp (Thân Tý Thìn); người tuổi Tỵ Dậu Sửu Mệnh ở Tam Hợp (Tỵ Dậu Sửu); người tuổi Hợi, Mão, Mùi Mệnh ở Tam Hợp (Hợi Mão Mùi).

Lá Số nào cũng có 12 Cung chia thành 4 Tam Giác : **Tam Giác MỆNH** (Mệnh, Quan, Tài); **Tam Giác PHỤ MẪU** (Phụ, Nô, Tử); **Tam Giác PHÚC ĐỨC** (Phúc, Di, Phối); **Tam Giác ĐIỀN TRẠCH** (Điền, Ách, Bào).

Tam Giác THÂN chỉ trùng với 2 Tam Giác Mệnh và Tam Giác Phúc Đức tùy thuộc vào Giờ Sinh :

a) trùng với **Tam Giác MỆNH** : khi sinh giờ Tý, Ngọ THÂN cư Mệnh ; sinh giờ Dần Thân THÂN cư Quan Lộc ; sinh giờ Thìn Tuất THÂN cư Tài Bạch.

b) trùng với **Tam Giác PHÚC ĐỨC** : khi sinh giờ Sửu, Mùi THÂN cư Phúc Đức ; sinh giờ Mão, Dậu THÂN cư Thiên Di ; sinh giờ Tỵ, Hợi THÂN cư Phối (Phu hay Thê).

Mệnh coi như là Định Mệnh sắp đặt cho Cá Nhân mang Lá Số chỉ Cá Tính, bản chất của người đó khi sinh ra có thể ở vào « tình cảnh nào đó » tùy thuộc vào vị trí và các Bộ Sao (Chính Tinh, Trung Tinh, Hung Sát Tinh và Bàng Tinh) đóng tại cung Mệnh : giàu hay nghèo, sang hay hèn, nhàn hạ hay vất vả - thời gian ứng vào phần lớn ở Tiền Vận « trước 30t ».

THÂN trên Lá Số khác với Cung Thân (Kim) trên Địa Bàn chỉ về Hành Động và kết quả của Sự Tranh Đấu ứng với thời gian bắt đầu từ Trung Vận. THÂN cư Cung nào có ảnh hưởng 2 chiều : Thí Dụ sinh giờ Dần, Thân thì THÂN cư Quan Lộc, cá nhân này coi Quan Lộc (việc làm, chức vụ ...) là cứu cánh, coi công việc làm rất quan trọng, ưu tư nhiều về việc làm trong cuộc sống ; nếu đã đặt ra 1 mục tiêu cho cứu cánh thì quyết không bỏ cuộc nửa chừng !. Ngày xưa Cổ Nhân, một số người, thường hay chế diễu cá nhân nào có Lá Số THÂN cư Thê (sinh giờ Tỵ hay Hợi) là nể Vợ (thậm chí là Sợ Vợ - với hình ảnh có bộ râu quặp !) điều đó nhiều khi không sai, vì những ai có Lá Số THÂN cư Thê thường lập gia đình ở Trung Vận (nếu trước đó đang khó khăn, với Cung Thê đẹp hơn Mệnh cuộc Đời trở nên khá giả hơn, hoặc lấy được Vợ Giàu Có, nhờ ảnh hưởng Gia Đình bên Vợ khá giả hơn nên trong Cuộc Sống, Vợ có ảnh hưởng nhiều đến Cá Nhân đó – điều này cũng là dễ hiểu – thí dụ Mệnh Sát Phá Tham, THÂN cư Thê có Tử Phủ Vũ Tướng thì ảnh hưởng của Thê mạnh hơn trong cuộc sống !. Khi Tam Giác (Mệnh, THÂN) trùng với Tam Hợp I (Thái Tuế, Quan Phù, Bạch Hổ) thì cuộc đời của Cá Nhân đó được Đời ưu đãi từ nhỏ, được sinh ra với lòng tự hào, coi như mình có sứ mạng làm việc chánh đáng cho Gia Đình và Xã Hội. Nếu Mệnh THÂN được Sao Thái

Tuế + bộ Tử Phủ Vũ Tướng *gặp nhiều Trung Tinh đặc cách xa lánh Hung Sát Tinh* thì từ thời trẻ, việc học hành Thi Cử thành thang rộng bước, khi lớn lên gặp Môi Sinh thuận lợi thường ở vai trò Chỉ Huy, Lãnh Đạo cuộc Đời không Quý cũng Phú (nếu có thêm Lộc Tồn và Tràng Sinh nằm trong Tam Giác Mệnh thì kể như chắc chắn – như trường hợp tuổi Giáp « Dần, Ngọ, Tuất » có Mệnh, THÂN đóng tại 2 Cung « Dần, Tuất », tuổi Canh « Thân, Tý, Thìn » có Mệnh THÂN đóng tại Cung Thân, tuổi Ất « Hợi, Mão, Mùi » đóng tại Cung Mùi, đóng tại Tý đều được hưởng 3 Vòng (Thái Tuế, Lộc Tồn, Tràng Sinh), riêng Tuổi Tân « Tỵ, Dậu, Sửu » phần lớn chỉ được 2 Vòng (Thái Tuế, Lộc Tồn) trong Tam Giác Mệnh, rất ít được 3 Vòng - tuy nhiên với tuổi Canh, Ất, Tân không tốt bằng Giáp vì Mệnh đôi khi gặp ngộ Tuần, Triệt !). Gặp các Bộ : Cự Nhật, Cơ Nguyệt Đồng Lương hay Sát Phá Tham cũng có Địa Vị Danh Vọng trong Xã Hội. Trường hợp Tam Giác Mệnh, THÂN trùng với Tam Hợp I của Vòng Thái Tuế với Bộ Chính Tinh và Trung Tinh đặc cách xa lánh Hung Sát Tinh với một trong 2 Sao Lộc Tồn và Tràng Sinh hiện diện là Mẫu Người thành công trong Xã Hội bất kể ở ngành nào. Trường hợp Sao Thái Tuế ngộ Triệt như tuổi Giáp Thân khi Mệnh đóng tại Cung Thân, tuổi Mậu Tý khi Mệnh đóng tại Cung Tý, tuổi Bính Thìn khi Mệnh đóng tại Cung Thìn, tuổi Canh Ngọ khi Mệnh đóng tại Cung Ngọ, tuổi Nhâm Dần khi Mệnh đóng tại Cung Dần, tuổi Kỷ Dậu khi Mệnh đóng tại Cung Dậu, tuổi Quý Sửu khi Mệnh đóng tại Cung Tý, tuổi Đinh Mão khi Mệnh đóng tại Cung Mão, tuổi Tân Tỵ khi Mệnh đóng ở Cung Tỵ, tuổi Ất Mùi khi Mệnh đóng tại Cung Mùi tuy thừa thiếu thời lận đận nhưng Trung Vận cũng phát lên một thời Danh Vọng dù không bền vững như các trường hợp nói trên !. Kể cả các Trường Hợp khác với Mệnh nằm trong Tam Hợp I gặp nhiều Hung Sát Tinh khi gặp vận Bĩ dễ gặp Quý Nhân giúp đỡ để vượt qua cuộc Đời tuy không thành công nhiều như các trường hợp trên nhưng Tư Cách và Cuộc Sống vẫn được người Đời trọng nể !.

2) Tam Hợp II (Thiếu Dương, Tử Phù, Phúc Đức)

Theo Định Nghĩa và Tính Chất :

- a) **Thiếu Dương** hành *Hỏa* (coi như Mặt Trời nhỏ) chủ về Thông Minh, vui vẻ, hòa nhã, nhân hậu, từ thiện, giải trừ tai họa nhỏ gặp Thái Dương kết thành bộ Lương Dương + Tam Minh (Đào Hồng Hi) thừa trẻ Đào Hoa, dễ nổi danh, nhưng không bền !. Gặp Hóa Khoa (khoa bảng, dễ trúng Thầu, thắng lợi trong các Cuộc Ganh đua ; gia tăng Phúc Thọ, cứu khốn phò nguy, giải trừ tai họa).
- b) **Tử Phù** hành *Hỏa* chủ về buồn thảm, tang thương gây rắc rối, ngăn trở mọi việc.
- c) **Phúc Đức** hành *Thổ* có đức độ, đoan chính, hòa nhã, nhân hậu, từ thiện. Giải trừ bệnh tật hay tai họa nhỏ. Gặp Thiên Đức, Nguyệt Đức và Long Đức kết thành **Bộ Tứ Đức (Phúc Thiên Long Nguyệt)** chế hóa được tính hoa nguyệt, dâm dăng của Đào Hồng ! **Mệnh, THÂN** có Thiếu Dương tọa thủ là người rất thông minh, khôn ngoan, thích hơn người, thời trẻ dễ nổi danh, gặp Hung Sát Tinh , nếu không biết dùng Tứ Đức hành động đức độ, đạo đức biết nhường người thì dễ bị kẹt ở cuối Đời (cô đơn, phá sản). Phần lớn nếu biết thức tỉnh thường đi vào Đạo Giáo thì tránh được nhiều Nghịch Cảnh (với ai có bộ Sát Phá Tham + Hung Sát Tinh tại Mệnh, THÂN thì nên lưu ý tu tính – không nên quá tham vọng làm nhiều điều ác đức - nếu không - sẽ dễ có nhiều hối hận ở Cuối Đời !).

Nếu Mệnh, THÂN gặp Tam Hợp II dù khôn ngoan lanh lợi, nhiều ưu thế lúc trẻ, tuy sớm có thành công ở Tiểu Vận, cũng nên biết kiềm chế Dục Vọng, phát huy Tứ Đức thì dễ tránh được Nghịch Cảnh ở cuối Đời !.

3) Tam Hợp III (Tuế Phá, Điều Khách, Tang Môn)

Theo Định Nghĩa và Tính Chất :

- a) **Tuế Phá** hành *Hỏa* chủ về ngang ngược, phá tán. Mệnh có Tuế Phá : răng xấu, hay đau yếu, bất mãn, không hài lòng như ý nguyện, thua thiếu thời hay chống đối, phản kháng, phá bỏ có Tinh Thần Cách Mạng từ thời Trẻ - nếu với Bộ Sát Phá Tham+Hung Sát Tinh dễ thành công bước đầu nhưng nhiều nguy hiểm sau đó.
- b) **Điều Khách** hành *Hỏa* hay khoe khoang, khinh người, nói năng không cẩn thận, thường dùng lý lẽ phân trần để thuyết phục. Chủ về bệnh tật, đau yếu, tai nạn, tang thương (Tang Môn) nếu gặp nhiều Hung Sát Tinh như Kinh Đà, Không Kiếp, Hỏa Linh, Thiên Hình thì dễ có nhiều rủi ro hay tật bệnh thường gặp khi vận số đi vào Đại, Tiểu Vận.
- c) **Tang Môn** hành *Mộc* là *Bại Tinh* chủ về gây tang thương, bệnh tật, tai họa. Đóng tại Mệnh : về mặt u buồn sầu não, tính hay lo lắng và cẩn mật, Tinh Thần dễ bất an, giao động !. Trong Đại Vận hay Tiểu Vận với nhiều Hung Tinh, Bai Tinh hội hợp dễ đưa đến buồn thương.

Mệnh, THÂN gặp Tam Hợp III (*Tam Hợp Tuế Phá*) của Vòng Thái Tuế thuộc Mẫu người thường ưa phản kháng, bất mãn, hay lo lắng dễ phiền muộn khi gặp Nghịch Cảnh (nhất là Tuế Phá tại Mệnh : ít được lòng người hay phê bình tranh luận). Nhưng trong Vòng này khi Mệnh tại Tứ Sinh (Dần, Thân Ty, Hợi) thường gặp Bộ (Mã Khốc Khách), nếu biết dùng Nghị Lực (Thiên Mã) để vươn lên, tránh : bất mãn, đả phá, tránh nặng lòng lo toan tính toán thì khi vào Tiểu Vận thường có Thái Tuế, Lộc Tồn hay Tràng Sinh cũng dễ thành công để hãnh diện với Đời.

4) Tam Hợp IV (Trục Phù, Thiếu Âm, Long Đức)

Theo Định Nghĩa và Tính Chất :

- a) **Trục Phù** hành *Hỏa* dễ buồn thảm, chủ tang thương, gây rắc rối. Phải chịu thiệt thòi mà không được hưởng thù lao xứng đáng – dù có tài !.
- b) **Thiếu Âm** hành *Thủy* coi như Mặt Trăng nhỏ gặp Thái Âm (Lương Âm) thông minh, hòa nhã, nhân hậu từ thiện, gặp Hóa Khoa gia tăng Phúc Thọ. Tuy nhiên vì hiền lành, bản chất không thích ganh đua, nên đôi khi quá tin người mà thành khờ dại !. Gặp Chính Tinh và Trung Tinh đắc cách +Tam Minh (Đào Hồng Hi) vẫn dễ nổi danh được Đời biết đến !.
- c) **Long Đức** hành *Thủy* có đức độ, đoan chính, hòa nhã, nhân hậu và từ thiện. Giải trừ bệnh tật và tai họa nhỏ. Gặp Phúc Đức, Thiên Đức và Nguyệt Đức kết thành Bộ Tứ Đức (Phúc Thiên Long Nguyệt) chế hóa được tính hoa nguyệt, dâm đặng của Đào Hồng !. Dù có

thua thiệt trong cuộc Sống, cũng không nên bon chen, biết tu tỉnh nhường người, cam chịu thua thiệt thì dễ được Trời ưu đãi ở Hậu Vận !.

Do 4 Tam Hợp nói trên của Vòng Thái Tuế (thuộc Hỏa - lợi cho các người Mệnh Hỏa, Thổ) nếu Tam Hợp I trùng với Tam Giác Mệnh, THÂN - đặc biệt với **Thái Tuế** tại Mệnh không bị Tuần hay Triệt với Bộ Chính Tinh +Trung Tinh đặc cách, xa lánh Hung Sát Tinh thì *Cuộc Đời được ưu đãi từ nhỏ, đầy lòng tự hào coi mình như có Sứ Mạng làm việc chính đáng, không những cho riêng mình mà còn cho Gia Đình và Xã Hội (nếu thêm Cung Phúc Đức hay Cung Phụ Mẫu đẹp thì càng chắc chắn). Dù khi Vận Số mà Đại Vận hay Tiểu Vận vào Tam Hợp xấu vẫn dễ qua khỏi nhờ gặp Quý Nhân, khi Đại Vận hay Tiểu Vận đến Tam Hợp I Thái Tuế chiếc Xe Đời lại đi vào Đại Lộ thênh thang, không rào cản ; trong Xã Hội vẫn thành công, thường có địa vị Lãnh Đạo hay bậc Trưởng Thượng được nể vì.*

Trong Đại Tiểu Vận khi gặp Vòng Thái Tuế luôn luôn có Bộ Tứ Linh (Long Phượng Hồ Cái) đi kèm - nếu vắng bóng Hung Sát Tinh – đó là Thời Điểm rất thuận lợi cho Công Danh được thỏa mãn với những Ước Vọng như Ý Nguyện !.

Nếu Mệnh THÂN nằm trong Tam Hợp II với **Thiếu Dương** tại Mệnh +Tam Minh (Đào Hồng Hi) dễ nổi danh từ thời trẻ, thông minh hơn người. Với Nữ nổi danh Tài Sắc một thời !. Nếu quá hiếu thắng, lấn lướt người - bỏ quên Bộ Tứ Đức (Phúc Thiên Long Nguyệt) bất quá cũng được 1 Thời Danh Vọng với Đời - rồi Thiên Không thi hành sứ mạng, nếu không biết tu tỉnh, kiềm chế dục vọng, khi đến Đại Vận xấu (gặp nhiều Hung Sát Tinh) rồi không rui ro, phá sản, cũng yếu đau, bệnh tật, rốt cục cuộc Đời cũng trở thành KHÔNG !.

Nếu Mệnh THÂN nằm trong vòng Tam Hợp III với **Tuế Phá** tại Mệnh thừa nhỏ đã nhiều bất mãn không hài lòng, luôn luôn làm ngược với điều Cha Mẹ muốn khi còn bé, lớn lên luôn luôn phản kháng trong tranh luận, đôi khi dẫn đến xô sát dễ đưa đến thừa Kiện - với Bộ Sát Phá Tham +Hung Sát Tinh dễ đi vào xa ngã ở Lứa Tuổi từ 16 đến 22 (nếu không được Gia Đình quan tâm, kiềm chế - với Nam Mạng cần lưu ý ở *Hạn Kế Đô 16t, La Hầu 19t, Thái Bạch 22t*, với Nữ Mạng : *La Hầu 15t, Thái Bạch 17t, nhất là Kế Đô 19t*, các Hạn trên đều tính theo Âm Lịch !) đây là Thời Điểm dễ xuống Vực Thẳm trong cuộc Đời (bụi đời, nghiện hút, trộm cắp, sa ngã ...) nếu không được quan tâm lưu ý bởi Gia Đình và Học Đường. Với Tinh Thần Cách Mạng khi trưởng thành - biết dùng Nghị Lực (Thiên Mã) với Cố Vấn giỏi dù có thành công, nhưng nếu kiêu căng, phách lối (Điều Khách) không hòa nhã, biết điều lành, tránh điều dữ khi đến Vận Tang Môn gặp bày Hung Sát Tinh cũng thành trắng tay với nhiều cay đắng !.

Nếu Mệnh THÂN nằm trong Tam Hợp IV với **Trực Phù** dù có thiệt thòi với công lao không được đãi ngộ xứng đáng cũng nên dùng **Long Đức** mà an ủi chịu thiệt thòi, không nên bon chen dễ bị làm lẫn tin người vì bản tính Nhân Hậu, Từ Thiện của **Thái Âm** mà thành khờ dại !. Nên nhớ dù ở Tam Hợp nào Cuộc Đời của Cá Nhân nào cũng đều có 1 Đoạn dài ngắn bằng nhau - nếu tiến lên mau như Tam Hợp II thông minh, khôn ngoan, lấn lướt ăn người thì dễ trống Hậu Phương - với Tam Hợp IV biết an phận với Định Mệnh, tu tỉnh, biết nhường người, thì Trời sẽ dành ưu đãi ở Cuối Đời – đi đâu mà thiệt !. Nên nhớ trong Dịch Lý : Trong Vinh Quang đã có mầm Thất Bại, trong Gặp Gỡ đã có mầm Ly Biệt, trong Hạnh Phúc đã có mầm đau khổ - nếu biết « điều tiết trong Cuộc Sống » dùng thế « hòa hợp Âm Dương » thì

Sống hay Chết, Vui hay Buồn, Hạnh Phúc hay Đau Khổ, nếu có, cũng chỉ sinh ra cùng 1 Gốc !

II) Vòng Lộc Tồn

Lộc Tồn là tên của 1 Sao đóng ở Vị Trí theo Hàng Can của tuổi, phần lớn đóng ở các Cung trên Địa Bàn của Lá Số theo Ngũ Hành của Hàng Can như Giáp, Ất thuộc Mộc đóng tại Dần, Mão có cùng hành Mộc ; Canh, Tân hành Kim đóng tại Thân, Dậu cũng Hành Kim ... (trừ 2 tuổi Mậu, Kỷ đều hành Thổ đóng tại Ty, Ngọ đều là hành Hỏa !). Không những theo Vị Trí của Ngũ Hành còn để ý đến Vị Trí Âm Dương : như Giáp Can Dương đóng tại Dần (Dương) và Ất Can Âm đóng tại Mão (Âm). Nếu để ý về vị trí Âm Dương thì Ta thấy chỉ có 4 Lứa Tuổi Giáp, Ất, Canh, Tân trong Thập Can đặt đúng vị trí Ngũ Hành + Âm Dương. Còn các tuổi khác như Bính, Mậu, Nhâm thuộc Can Dương đóng tại Ty, Hợi thuộc Chi Âm và Đinh, Kỷ, Quý thuộc Can Âm đóng tại Ngọ, Tý đều là 2 Cung Dương !. Lộc Tồn coi như Thiên Lộc (Lộc do Trời ban cho « Đại Phú do Thiên » khác với Hóa Lộc « Tiểu Phú do Cần »). Khi Lộc Tồn ở vị trí Thái Tuế như các Tuổi Giáp « Dần, Ngọ, Tuất », Ất « Hợi, Mão, Mùi », Canh « Thân, Tý, Thìn », Tân « Ty, Dậu, Sửu » thì Cá Nhân đó được hưởng trọn Thiên Lộc trong cuộc Đời Phú và Quý (kể cả các Tuổi có Lộc Tồn đóng tại Mệnh), còn các tuổi khác chỉ khi nào gặp trong Đại Vận hay Tiểu Vận mới được thọ hưởng.

Cũng giống như Vòng Thái Tuế, Lộc Tồn đứng đầu Vòng Sao có 12 sao chia thành 4 Tam Hợp : **Tam Hợp I** (Lộc Tồn, Tướng Quân, Bệnh Phù), **Tam Hợp II** (Lục Sĩ, Tấu Thờ, Đại Hao), **Tam Hợp III** (Thanh Long, Phi Liêm, Phục Bình) và **Tam Hợp IV** (Tiểu Hao, Hi Thân, Quan Phủ).

1) Tam Hợp I (Lộc Tồn, Tướng Quân, Bệnh Phù)

Theo Định Nghĩa và Tính Chất :

- a) **Lộc Tồn** là Bắc Đẩu Tinh, Dương Thổ đới Thủy, là Quý Tinh chủ về *Quyền Bính, Tài Lộc, Phúc Thọ* có tính chất thông minh, hiểu học, nghiêm cẩn nhưng Cô Độc, nhân hậu, từ thiện, cứu khổ, phò nguy, giải trừ tai nạn, bệnh tật, gia tăng tài lộc, phúc thọ - triết tinh Dâm Đãng hoa nguyệt của Đào Hồng, đóng đồng Cung với Sao **Bác Sĩ** hành Thủy thông minh, khoan hòa, nhân hậu, lợi ích cho việc học hành thi cử, giải trừ bệnh tật.
- b) **Tướng Quân** hành Mộc can đảm, dũng mãnh, hiên ngang, kiêu căng có óc Lãnh Tụ, thích chỉ huy và cầm đầu. Lợi ích cho việc cầu Công Danh.
Chủ về : uy quyền, nhất là những việc có liên quan đến Quân Sự. Gặp Thiên Tướng đồng cung (cách Lương Tướng) uy quyền hiển hách. Gặp Tuần, Triệt, nhất là **Triệt** (Tướng mất đầu, đang uy quyền khi vận hạn đến dễ mất chức hay mất việc – trái lại đang « thất nghiệp » dễ gặp may mắn trở nên hanh thông !) - dễ gặp tai nạn « xe cộ hay đao súng ». Với Phái Nữ có Tướng Quân thủ Mệnh : tính hay ghen.
- c) **Bệnh Phù** hành Thổ đới Mộc chủ về bệnh tật, đau yếu, buồn phiền ; nhất là khi đồng cung với một trong các Hung Sát Tinh ở Mệnh, THÂN hay Cung Tật Ách - nếu không có nhiều Sao giải !.

Trường hợp Tam Hợp I của Vòng Lộc Tồn trùng với Tam Hợp I của Vòng Thái Tuế, nếu thêm được Tam Hợp I của Vòng Tràng Sinh : thuộc *mẫu người Con cung của Thần Tài và Danh Vọng* gặp Môi Sinh đặc địa uy quyền hiển hách, dù đến Vận Hạn xấu vẫn dễ dàng qua khỏi. Với Lộc Tồn ở Mệnh tuy độc đoán và cô đơn – dù gặp Hung Sát Tinh vẫn được No Đủ cả đời !. Trong Tam Hợp này tuy có 2 Sao Lộc Tồn và Tướng Quân kèm theo Bác Sĩ là 2 Cát Tinh, nhưng hiện diện Bệnh Phù (là chiếc thủng của Xe Định Mệnh - phải nương theo Quan Niệm của Dịch Lý : không có điều gì hoàn toàn tốt « trong Vinh quang đã có mầm thất bại ! » phải biết tiết chế không chủ quan thì khi gặp Vận xấu - nếu có đề phòng - độ rủi ro cũng nhẹ). Nên nhớ Lộc Tồn đứng kề bên 2 Sao : Tiền KINH DƯƠNG, hậu ĐÀ LA đều là Bắc Đẩu Tinh, âm Kim chủ Sát Phạt đó là 2 *khắc Tinh* của lứa Tuổi Giáp Ất và Bính Mậu khi gặp trong Vận Số !. Tuổi Giáp (năm Mão, năm Sửu tháng 2 và tháng Chạp) ; Tuổi Ất (năm Dần, năm Thìn, tháng Giêng và tháng Ba) ; Tuổi Bính, Mậu (năm Ngọ, tháng 5 : Mã đầu đôi Kiếm « Gươm treo Cổ Ngựa ! »).

Tính chất chung của Tam Hợp I của Vòng Lộc Tồn : gặp Tam Hợp Thái Tuế dễ trở thành Đại Phú ; ở Thế Chủ Chốt, Quang Minh, Nhân Hậu (Bác Sĩ), Hiên Ngang có óc Lãnh Tụ (Tướng Quân), nên nhớ , cũng dễ suy tàn (Bệnh Phù) nếu biết bớt độc đoán và chuyên quyền. Dù gặp Tam Hợp Tuế Phá, nếu được Lộc Mã đồng Cung cũng Danh Vọng Vang Bóng một Thời !.

2) Tam Hợp II (Lục Sĩ, Tấu Thơ, Đại Hao)

Theo Định Nghĩa và Tính Chất :

- a) **Lục Sĩ** hành Hòa chủ uy lực, có sức mạnh, gặp *Sao tốt* làm cho tốt đẹp thêm ; đem may mắn nhanh chóng, gặp *Sao xấu*, xấu thêm, đem nhiều việc chẳng lành !. Luôn luôn đi kèm với **Kinh Dương** hành Kim đới Hòa, coi như *Hình Tinh* chủ về Sát Phạt. Kinh Dương đặc địa ở Tứ Mộ « Thìn, Tuất, Sửu, Mùi » can đảm, dũng mãnh, quả quyết, thích nhanh chóng là tay chân đặc lực của Bộ Sát Phá Tham đặc địa đem đến Vinh Quang, Quyền Lực. Ở vị trí hãm địa : liêu lĩnh, hung bạo, độc ác hay giết chóc, phá hoại, bệnh tật (khi vận số gặp Kinh : các Tuổi Giáp tháng 2 ở Mão, tuổi Ất tháng Ba ở Dần, tuổi Bính, Mậu tháng 5 ở Ngọ rất nguy hiểm về rủi ro tai nạn hay tật bệnh).
- b) **Tấu Thơ** hành Kim tính tình vui vẻ, nói năng khôn khéo, lợi ích cho Văn Chương và Nghệ Thuật. Kết hợp với **Hỉ Thần** vui vẻ đem lại may mắn đáng mừng. Lợi ích cho việc Cưới Hỏi và Văn Học Nghệ Thuật. Gặp **Long Trì, Phụng Các** : rất rực rỡ tốt đẹp, chủ vui mừng, lợi ích cho Thi Cử, Cầu Danh, Cưới Hỏi, Sinh Nở.
- c) **Đại Hao** hành Hỏa coi như *Bại Tinh* nếu không đặc địa, kết hợp với **Tiểu Hao** ở vị trí đối diện tạo thành **Cặp Song Hao** :
 - Đặc Địa ở Dần Thân là người Thông Minh tuy ham chơi, thích ngao du, nhưng cũng ham học đến Vận may cũng hiển đạt được hưởng giàu sang. Gặp Cự Cơ ở Mão Dậu để có uy quyền hiển hách, danh tiếng lừng lẫy một thời.
 - Gặp nhiều Sát Tinh hội hợp dễ mắc tai nạn về đao, súng.

- Gặp Hỏa Linh dễ mắc bệnh nghiện hút.
- Mệnh vô Chính Diệu gặp Hao, Tuyệt (Vòng Tràng Sinh) là người mưu mô xảo quyệt và rất keo kiệt và tham lận.

3) Tam Hợp III (Thanh Long, Phi Liêm, Phục Binh)

Theo Định Nghĩa và Tính Chất :

a) **Thanh Long** hành Thủy vui vẻ, hòa nhã, lợi ích cho việc cầu Công Danh, cưới hỏi, sinh nở. Giải trừ bệnh tật, tai họa nhỏ.

- Toạ thủ tại Tứ Mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) gặp Hóa Ky : Ròng gặp Mây chủ Phú Quý, uy quyền đem lại sự may mắn đáng mừng !.
- Gặp Lưu Hà : Ròng vùng vẫy trên Sông lớn rất rục rờ tốt đẹp. Lợi ích cho việc Thi Cử, cầu Công Danh.

b) **Phi Liêm** hành Hỏa : vui vẻ nhanh nhẹn, không lợi ích cho sinh nở. Gặp Sao tốt đem lại may mắn nhanh chóng. Gặp Sao xấu đem xấu xa nhanh chóng. Gặp Việt, Hỏa, Linh : đâm chém, bắn giết !. Toạ thủ tại Cung Tử Tức : giảm bớt số con ; tại Cung Huynh Đệ : giảm bớt số anh chị em. Gặp Bạch Hổ coi như Hổ mọc cánh : may mắn, nhẹ bước trên đường Công Danh.

c) **Phục Binh** hành Hỏa chủ việc liên quan đến Quân Sự - có tính hay giúp đỡ hay phò tá khi gặp Sao tốt. Trái lại nếu gặp Sao xấu : xảo quyệt lừa đảo, trộm cắp làm nhiều việc ám muội. Gặp trong Đại Tiểu Vận coi như gặp Tiểu Nhân, cần nhiều cảnh giác !.

Mệnh có Thanh Long thừa thiếu thời việc học hành, thi cử thênh thang nhẹ bước nếu vị trí được ở Tam Giác Thái Tuế - với Phi Liêm khi gặp may thường vội vã cướp thời cơ không để ý kẻ Tiểu Nhân (Phục Binh) chờ sẵn giăng bẫy, lại vụng tính nghi ngờ (đa nghi) - dù có kết quả cũng chỉ là nhất thời !.

4) Tam Hợp IV (Tiểu Hao, Hỉ Thần, Quan Phủ)

Theo Định Nghĩa và Tính Chất :

a) **Tiểu Hao** giống như Đại Hao hành Hỏa thuộc *bại tinh* chủ về hao tán, gây ly tán, xa cách. Được ở vị trí đắc địa (Dần Thân, Mão Dậu) cũng vênh vang 1 thời, nếu không vung tay quá trán !

b) **Hỉ Thần** hành Hỏa chủ sự vui mừng, lợi ích cho thi cử, cầu công danh, kể cả cưới hỏi và sinh nở. Kết hợp với Tấu Thờ tạo thành 1 cặp có lợi cho Văn Học Nghệ Thuật - Gặp Khôi Việt, Long Phụng đem lại may mắn đáng mừng và kết quả rục rờ !.

c) **Quan Phủ** hành Hỏa chủ về ngăn trở công việc, gây rắc rối phiền nhiễu, đi cặp với **Đà La** giống như Kinh Dương thuộc Bắc Đẩu Tinh, Âm Kim đới Hỏa – là *Hình Tinh* chuyên đem rủi ro và tật bệnh khi ở vị trí hãm địa. Ở Tiểu Vận gặp Kinh Đà, Quan Phủ khi ở Năm Xung Tháng Hạn (Năm Tuổi, La Hầu, Kế Đô, Thái Bạch), nhất là các Tuổi Tứ Mộ nên đề cao cảnh giác !.

Khi Tam Giác Mệnh, THÂN gặp Tam Hợp IV của Vòng Lộc Tồn dù gặp Hi Thần cũng không nên tỏ vẻ Hào Phóng mà vung tay quá trán (Tiểu Hao) – nên nhớ Quan Phủ + Đà La luôn luôn chờ sẵn đem đến Thị Phi Đàm Tiếu, đôi khi còn mang họa vào thân !.

III) Vòng Tràng Sinh

Vòng Thái Tuế được ấn định theo Địa Chi (Địa Lợi cùng Môi Sinh), Vòng Lộc Tồn được ấn định theo Thiên Can (Thiên Thời). Vòng Tràng Sinh được sắp xếp theo Cục (vị trí của Mệnh + Thiên Can) nên được coi như « kết quả phụ thuộc » của 2 Vòng Thái Tuế và Lộc Tồn - biểu hiện chuỗi Thời Gian nối tiếp nhau, rất lóng lánh từ khi chào đời (Tràng Sinh) đến lúc Tuyệt tướng là hết !, nhưng lại gặp Thai, Dưỡng tiếp nối Tràng Sinh để luân chuyển bất tận có thể coi như Luân Hồi của 1 Kiếp Nhân Sinh !. Do đó ta có thể coi Vòng Tràng Sinh là hình bóng của 2 Vòng Thái Tuế và Lộc Tồn hợp nhất. Dù Mệnh hay THÂN không được Vòng Thái Tuế (có vị trí cao cả để hưởng lợi trong Xã Hội) và Vòng Lộc Tồn (Tài Lộc do Trời đem đến hay may mắn trong hành động), nhưng với Vòng Tràng Sinh ở Tam Giác Mệnh THÂN cũng được an ủi về Phú Quý ở mức Trung Bình của 2 Vòng nói trên !. Vòng Tràng Sinh cũng chia thành 4 Tam Hợp : **Tam Hợp I** (Tràng Sinh, Đế Vương, Mộ), **Tam Hợp II** (Mộc Dục, Suy, Tuyệt), **Tam Hợp III** (Quan Đới, Bệnh, Thai), **Tam Hợp IV** (Lâm Quan, Tử, Dưỡng).

1) Tam Hợp I (Tràng Sinh, Đế Vương, Mộ) gọi tắt là *Sinh Mộ Vương*.

Theo Định Nghĩa và Tính Chất :

- a) **Tràng Sinh** hành Thủy chủ về nhân hậu, từ thiện, có độ lượng, gia tăng Phúc Thọ. Gặp Thiên Mã ở 2 Cung Dần, Thân : công việc dễ dàng, may mắn, công danh thăng tiến. Gặp Mã ở Cung Hợi : trắc trở, vất vả, không lợi cho Công Danh. Đóng tại Cung Tật Ách gặp Sao mờ ám : đau yếu, bệnh tật triền miên.
- b) **Đế Vương** hành Kim chủ uy nghi, đường bệ, vui vẻ, nhân hậu, từ thiện ; gia tăng phúc thọ, giải trừ tật bệnh, lợi ích cho Công Danh, Quyền Thế, Tài Lộc ; chủ sinh sản nhiều, mau chóng và thịnh đạt. Tính theo thời gian là lúc Cực Đại (oanh liệt). Gặp Sao Tử Vi tạo thành 1 cặp có tài Lãnh Đạo !.
- c) **Mộ** hành Thổ : ý nghĩa đen là chôn vùi, chủ nhảm lẫn, ngu si, đần độn, u mê. Trái lại đất địa ở Tứ Mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi : Mộ cư Mộ Địa) gặp Cung Phúc Đức rất rực rỡ tốt đẹp : trong Họ có âm phần đã kết phát ba, bốn đời giàu sang vinh hiển !. Gặp Bộ Sát Tham đặc cách là Tướng Lãnh tài ba, nhà Kinh Doanh thành công và quyền thế !.

Mệnh THÂN gặp Tam Hợp I của Vòng Tràng Sinh với Chính Tinh và Trung Tinh đặc cách xa lánh Hung Sát Tinh, tuy không được như Tam Hợp I của 2 Vòng Thái Tuế và Lộc Tồn nhưng cuộc Đời từ lúc khôn lớn (Tràng Sinh) đến Trưởng Thành (Đế Vương) cũng gặp nhiều may mắn – dù gặp Môi sinh biến động (giặc giã, tai họa) + Tiểu Vận vào Mộ + Sát Tinh vẫn dễ gặp Quý Nhân giúp đỡ để vượt qua dễ dàng cho đến Cuối Đời.

2) Tam Hợp II (Mộc Dục, Suy, Tuyệt)

Theo Định Nghĩa và Tính Chất :

- a) **Mộc Dục** hành Thủy theo nghĩa đen là thời gian ở tuổi Dậu Thì ; chủ tầm gọi , làm dáng, sự đi xa. Tính hay thay đổi, thích canh cải, dễ chán nản, bỏ dở công việc. Gặp Đào Hồng, Riêu : dâm dật, u mê, dễ gặp tai họa, bệnh tật do sắc dục gây ra. Cung Mệnh xấu lại gặp Mộc Dục chỉ làm các nghề Thủ Công (thợ vàng bạc, thợ rèn) thì dễ yên phận !.
- b) **Suy** hành Thủy theo nghĩa đen là biếng nhọc, yếu đuối, hèn kém ; chủ về sa sút, suy bại !.
- c) **Tuyệt** hành Thổ theo nghĩa đen là đứt đoạn, chủ về bại hoại, tiêu tán, khô cạn, dễ bế tắc, chiết giảm Phúc Thọ. Trái lại ở Mệnh với nhiều Chính Tinh và Trung Tinh đặc cách lại là người khôn ngoan, đa mưu túc trí - ở vai trò Quân Sư, Cố vấn rất thành công !.

Khi Tam Hợp II trùng với Tam Giác Mệnh THÂN với thời gian ở tuổi Dậu Thì không có kinh nghiệm sống dễ thay đổi lại gặp Suy, Tuyệt khi Vận Hạn đi vào Năm Xung Tháng Hạn, nếu không gặp được Môi trường tốt + sự khuyên giải, săn sóc của gia đình : rất dễ xa ngã !. Các Đại Tiểu Vận gặp Tam Hợp này : nên nhớ dễ sa sút, bế tắc khi thay đổi. Dù khôn ngoan túc trí đa mưu cũng không lại với Trời !.

3) Tam Hợp III (Quan Đới, Bệnh, Thai)

Theo Định Nghĩa và Tính Chất :

- a) **Quan Đới** hành Kim chỉ lúc bắt đầu xây dựng Sự Nghiệp, chủ về chức vụ, quyền thế. Ham thích Công Danh - gặp nhiều Sao xấu : dễ gặp rắc rối phiền nhiễu ngăn trở công việc - gặp Sát Tinh, Bại Tinh : giống như Sợi dây thắt cổ, chủ sự trói buộc tự ãi !.
- b) **Bệnh** hành Hỏa, với Mẫu Tự đã nói rõ tính chất ở thời điểm suy tàn (đau yếu, bệnh tật, suy nhược, buồn rầu, khờ khạo, nhầm lẫn).
- c) **Thai** hành Thổ thời điểm Tái Sinh, chủ về giao hợp, thụ thai, sinh nở. Tính Chất : ngu muội, u mê, a dua, chơi bời dễ đắm chìm vào sắc dục. Gặp Tuần, Triệt +Sát Tinh : sinh thiếu thốn, đau yếu quặt quẹo.

Thời Điểm gặp Tam Hợp III của Vòng Tràng Sinh rũi (Bệnh, Thai) nhiều hơn may (Quan Đới) cần nhiều nghiên cứu kỹ trước khi có quyết định để thực hiện những Dự Án quan trọng - cần phải tham khảo ý kiến của các Cố Vấn hay các bậc Trưởng Thượng nhiều Kinh Nghiệm đã kinh qua cuộc Sống !. Nên nhớ ham Công Danh dễ gặp nhiều khó khăn (bệnh tật) dù cố gắng bù đắp. Cần phải Tri Mệnh sẽ hưởng được lợi lộc (với điều kiện tri túc, không quá ham hố !).

4) Tam Hợp IV (Lâm Quan, Tử, Dương)

Theo Định Nghĩa và Tính Chất :

- a) **Lâm Quan** hành Kim thời điểm Hãn Diện khi ra Đồi có tính kiêu cách khi nói năng, thích làm dáng, lấy điệu hay khoe khoang. Gặp nhiều Sao sáng sủa thì vui vẻ và phát đạt. Trái lại với nhiều Sao xấu : công việc gặp phiền nhiễu và bị ngăn trở.
- b) **Tử** hành Kim ở thời điểm Mãn Kiếp, chủ chết chóc tang thương sầu thảm. Ở số, tính thâm trầm, kín đáo, suy nghĩ sâu xa, đa sầu đa cảm dễ chiết giảm Phúc, Thọ. Đón tại Điền Trạch hay Tài Bạch : có tiền bạc và Quý Vật chôn dấu - biết giữ của và cần kiệm.
- c) **Dương** hành Mộc thời điểm bồi đắp để Tái Sinh, tính chăm chỉ, cẩn thận, chủ về nuôi nấng, phù trì, chặn giắt.
- Ở Mệnh : được nhiều người yêu mến, nuôi gia súc dễ dàng. Ở THÂN : có nhiều con cháu. Ở Tử Tức : có con nuôi ; Huynh Đệ : anh chị em nuôi. Đón tại Tật Ách +Sao xấu có nhiều Bệnh lâu khỏi.
- Khi gặp Tam Hợp IV của Vòng Tràng Sinh dù gặp may mắn thành công cũng không nên tự hào và khoe khoang, dù có phát đạt cũng dễ gặp Sầu Thảm (Tử). Nên Tu Dưỡng, kín đáo sẽ được đền bù để bắt đầu gặp Tái Sinh (Tam Hợp I).

Kết Luận

Từ Vi cũng như nhiều Môn Dự Báo khác về Con Người cho biết một cách Tổng quát về Bản Chất và Cuộc Đời dựa trên Lá Số có 12 Cung. Về Bản Chất và Cá Tính phụ thuộc phần lớn vào 14 Chính Tinh và nhiều Trung Tinh tốt hay xấu (Hung Sát Tinh, Bại Tinh...). Ba Vòng Thái Tuế, Lộc Tồn và Tràng Sinh mỗi Vòng đều có 4 Tam Hợp (tốt và xấu) có ảnh hưởng nhiều đến Cá Nhân trong Cuộc Đời và khi gặp trong Đại Vận (10 năm) hay Tiểu Vận (1 năm). Gặp Lá Số tốt nhưng Cá Nhân đó không gặp được Môi Trường tốt (như hạt giống tốt gieo trên mảnh đất khô cằn không phân bón khác với khi được gieo trên mảnh đất màu mỡ có phân bón. Thí Dụ với Lá Số có Tử Phủ Vũ Tướng với nhiều Trung Tinh đắc cách, xa lánh Hung Sát Tinh - nếu ở Làng Xã bắt quạ chỉ làm Xã Trưởng cùng lắm là bậc Trưởng Thượng được nể vì trong Thôn Xóm ; nhưng nếu được ở thành phố lớn hay Kinh Đô hay Bang rộng lớn có nhiều Hoạt Động được nhiều người chú ý dễ trở thành nhân vật Lãnh Đạo !. Với 1 số Tuổi Trẻ Việt Tị Nạn thành công rực rỡ trên các nước Tây Phương cho ta thấy ảnh hưởng của Môi Sinh trong cuộc Sống). Lá Số của bất cứ Cá Nhân nào đều có đủ 3 Vòng Thái Tuế, Lộc Tồn và Tràng Sinh gồm đầy đủ 4 Tam Hợp. Đại Vận (10 năm) trong mỗi Lá Số đều dựa theo Cục như Hòa Lục Cục thì Đại Vận (6t -15t) là Đại Vận đầu tiên tại Cung Mệnh đi theo chiều thuận hay nghịch (tùy theo Nam Nữ) tiếp đến các Đại Vận (16t-25t)...(86t-95t). Cũng tương tự với Thủy Nhị Cục : (2t-11t)...Mộc Tam Cục : (3t -12t)...Kim Tứ Cục : (4t-13t)...và Thổ Ngũ Cục : (5t-14t)...

Thí Dụ với 1 Lá Số Dương Nam Hòa Lục Cục có Mệnh Thái Tuế với Đại Vận Thái Tuế (6t-15t) tại Cung Mệnh phải mất 30 năm mới đến Đại Vận Thái Tuế tiếp theo (46t-55t), nếu đến Đại Vận Thái Tuế tiếp theo (86t-95t) chắc nhiều khi đã lìa trần hay không còn khả năng hoạt động. Như vậy bất cứ Cá Nhân nào về Đại Vận chỉ gặp được nhiều nhất 3 Tam Hợp của 1 trong 3 Vòng nói trên !. Về Tiểu Vận (1 năm) có thể 3 năm gặp lại 1 Tam Hợp và có thể gặp cả 3 Vòng, nhưng ảnh hưởng của Tiểu Vận không mạnh như Đại Vận. Trong 1 Đại Vận dù tốt hay xấu, bất cứ Cá Nhân nào cũng gặp liền 3 Hạn Cửu Diệu xấu cách nhau 3 năm đối với Nam Mạng, 2 năm đối với Nữ Mạng (La Hầu, Kế Đô, Thái Bạch) nhiều khi còn trùng với Năm Tuổi và Hạn Tam Tai. Các Hạn trên gặp lại sau 9 năm trong Đại Vận kế tiếp !.

Bộ Chính Tinh và Trung Tinh (tốt hay xấu) nằm tại Mệnh hay THÂN chỉ cho biết Bản Chất của người mang Lá Số nhưng Danh Vọng và Cuộc Đời theo Kinh Nghiệm, đều tùy thuộc vào Tam Hợp của 3 Vòng Thái Tuế, Lộc Tồn và Tràng Sinh, đặc biệt là Tam Hợp I của 3 Vòng trùng với Tam Giác Mệnh và THÂN khi sinh vào các Giờ (Tý Ngọ, Dần Thân, Thìn Tuất), nhất là ở 4 Lửa Tuổi :

- 1) Giáp (Dần Ngọ Tuất), Mệnh đóng tại Dần, Tuất
- 2) Canh (Thân Tý Thìn), Mệnh đóng tại Thân.
- 3) Ất (Hợi Mão Mùi), Mệnh đóng tại Mùi.
- 4) Tân (Tỵ Dậu Sửu), Mệnh đóng tại Tỵ.

So sánh với 4 Lửa Tuổi trên thì Tuổi Giáp lợi thế hơn cả, vì Lửa Tuổi Canh với Canh Thìn thì Tuần tại Mệnh ; Lửa Tuổi Ất và Tân đều bị Triệt tại Mệnh !. Được cả 3 Vòng Thái Tuế, Lộc Tồn và Tràng Sinh có Tam Hợp I trùng với Tam Giác Mệnh THÂN đồng cung, nhất là 3 Sao Thái Tuế, Lộc Tồn và Tràng Sinh tại Mệnh được Chính Tinh và Trung Tinh đắc cách xa lánh Hung Sát Tinh thì Cuộc Đời được hưởng Phú Quý từ nhỏ cho đến Vãn Niên - dù Đại Tiểu Vận có gặp trắc trở cũng dễ dàng vượt qua. Với các Lửa Tuổi gặp được 2 Vòng tại Mệnh và 1 Vòng tại THÂN cũng « Công Hầu Khanh Tướng một Thời ». Với các Tuổi khác tuy không được Tam Hợp I của 3 Vòng trùng với Tam Giác Mệnh THÂN nhưng khi đến Đại Vận gặp 3 Vòng cũng Danh Vọng một thời !.

Paris Mùa Đông năm Đinh Dậu 2017

Phạm Kế Viêm